

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về một số cơ chế, chính sách đặc thù
nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù và bảo đảm tài chính, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân thuộc cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế trong hệ thống chính trị.

2. Doanh nhân, nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế và các cá nhân khác trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ đặc biệt về đối ngoại, hội nhập quốc tế do Chính phủ quy định.

3. Doanh nghiệp, hiệp hội ngành, nghề tham gia vào hoạt động hội nhập quốc tế.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế* là cơ quan, tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thường xuyên nghiên cứu chiến lược, tham mưu hoạch định chính sách về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; trực tiếp triển khai các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế.

2. *Người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên* là công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang công tác tại các cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế được quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị quyết này.

3. *Người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên* là công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang, người làm việc tại các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp không thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này và được giao nhiệm vụ tham gia hoặc hỗ trợ các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; triển khai hoạt động giao lưu, hợp tác quốc tế phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4. *Nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế* là người Việt Nam hoặc người nước ngoài, bao gồm cả cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu, có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng liên ngành và kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực liên quan đến quá trình hội nhập quốc tế của quốc gia; có khả năng phân tích, tham mưu, đàm phán, xây dựng và triển khai chính sách, sáng kiến, cam kết quốc tế, nhằm thúc đẩy lợi ích quốc gia và tăng cường vị thế của đất nước trên trường quốc tế.

5. *Ngoại ngữ hiếm* là ngoại ngữ ít được đào tạo tại Việt Nam và là ngôn ngữ chính thức của quốc gia láng giềng hoặc quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ đối tác toàn diện với Việt Nam và tại quốc gia đó không sử dụng phổ biến những ngôn ngữ chính thức tại Liên hợp quốc.

6. *Ngoại giao học giả* là hoạt động hỗ trợ cho hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế thông qua việc tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật, tiếp xúc với các học giả, chính giới nước ngoài, nhằm thông tin các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác hội nhập quốc tế; tạo dựng cục diện, môi trường thuận lợi cho đất nước bước vào kỷ nguyên mới tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế đất nước, phù hợp với quy định của Hiến pháp và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; góp phần bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia, dân tộc, thúc đẩy toàn

diện quan hệ đối ngoại với các nước, đối tác quan trọng; không dễ bị động, bất ngờ về những vấn đề chiến lược.

2. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp với tư cách là trung tâm, chủ thể, động lực và lực lượng chủ công trong công tác hội nhập quốc tế.

3. Bảo đảm chế độ, chính sách đãi ngộ vượt trội đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên và thực hiện một số nhiệm vụ, hoạt động về hội nhập quốc tế gắn với chức năng, nhiệm vụ, hoạt động, vị trí việc làm.

4. Áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ; ngăn chặn, xử lý nghiêm theo quy định mọi biểu hiện trục lợi trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế và trong thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này.

5. Miễn trách nhiệm dân sự và không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng từ ngân sách nhà nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện đúng, đầy đủ nội dung, quy trình, quy định liên quan trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhưng kết quả của nhiệm vụ, hoạt động không đạt được hoặc không được công nhận do chính sách của Nhà nước thay đổi hoặc do yếu tố khách quan, sự kiện bất khả kháng. Bảo đảm quyền lợi, chế độ trong tình huống rủi ro đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên và hỗ trợ thân nhân trong những lĩnh vực, địa bàn hoạt động có mức độ rủi ro cao.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH CHUNG VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Điều 5. Tham gia tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương không thông qua ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc tham gia tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương của Quốc hội không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên cơ sở ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và tính hiệu quả; báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội quyết định việc tham gia tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương của cơ quan mình không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên cơ sở ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và tính hiệu quả.

3. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quyết định việc tham gia tổ chức, diễn đàn hợp

tác đa phương của cơ quan mình không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên cơ sở ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền và đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và tính hiệu quả.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc tham gia các tổ chức, diễn đàn đa phương của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và tính hiệu quả.

Điều 6. Cơ sở dữ liệu quốc gia về cam kết quốc tế

Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về cam kết quốc tế bao gồm điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế của Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, cơ quan nhà nước ở trung ương và cấp tỉnh, các tuyên bố của lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước trên cơ sở nâng cấp, mở rộng Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế.

Điều 7. Cơ chế cử lực lượng tham gia hoạt động khôi phục, tái thiết, xây dựng ở nước ngoài

Trường hợp có yêu cầu đặc biệt về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, vì mục đích nhân đạo, hòa bình, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, trên cơ sở ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao và các cơ quan có liên quan cử lực lượng tham gia xây dựng công trình, tiến hành các hoạt động khôi phục, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở nước ngoài theo thỏa thuận với quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc tổ chức quốc tế có liên quan từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Khuyến khích sự hiện diện của các tổ chức quốc tế, phái đoàn đặc biệt tại Việt Nam và tăng cường hiểu biết, nghiên cứu về Việt Nam

1. Chính phủ quyết định áp dụng các ưu đãi, miễn trừ cần thiết về thuế, phí, thị thực, giấy phép lao động, tiền thuê và tiền sử dụng trụ sở đối với văn phòng tại Việt Nam của tổ chức quốc tế liên chính phủ được thành lập trên cơ sở điều ước quốc tế; tổ chức quốc tế có thành viên bao gồm Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; tổ chức quốc tế có tư cách pháp nhân và được công nhận có quy chế tương tự tổ chức quốc tế liên chính phủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc luật pháp quốc tế; văn phòng được thành lập theo các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc văn phòng của các tổ chức do Nhà nước, Chính phủ nước ngoài thành lập.

Chính phủ cập nhật, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu thành lập trụ sở tại Việt Nam hoặc chuyển trụ sở đến Việt Nam của các văn phòng quy định tại Điều này.

2. Phái đoàn đặc biệt do quốc gia, tổ chức quốc tế liên chính phủ cử vào thăm, làm việc tại Việt Nam theo lời mời hoặc được sự chấp thuận của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nhằm giải quyết nhiệm vụ cụ thể liên quan đến quốc gia, tổ chức quốc tế đó và các cá nhân nước ngoài có uy tín và ảnh hưởng vào Việt Nam theo lời mời của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo Chương trình khách mời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ được hưởng các quyền ưu đãi, miễn trừ theo luật pháp và thông lệ quốc tế hoặc trên cơ sở thỏa thuận với Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Chính phủ xây dựng Chương trình nghiên cứu Việt Nam và Chương trình khách mời của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Chính phủ.

Điều 9. Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và Hệ sinh thái tận dụng các Hiệp định thương mại tự do (FTA)

1. Chính phủ tổ chức chương trình xúc tiến thương mại cấp quốc gia với các điều kiện thuận lợi và trên cơ sở bảo đảm nguồn kinh phí ổn định, bền vững, phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xuất nhập khẩu theo từng thời kỳ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng hoạt động kinh doanh, đấu thầu, đầu tư ở nước ngoài, xuất nhập khẩu, chuyển giao công nghệ, kết hợp giới thiệu về văn hóa, đất nước, con người và các cơ hội hợp tác kinh doanh.

2. Chính phủ bảo đảm nguồn lực cho việc xây dựng và vận hành Hệ sinh thái tận dụng các FTA phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tận dụng ưu đãi, lợi thế do các FTA đem lại.

Điều 10. Xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện dự án hợp tác với đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược

Trường hợp cấp bách cần giải quyết vướng mắc trong thực hiện dự án hợp tác với đối tác nước ngoài có tính chất trọng điểm, chiến lược và ảnh hưởng đến quan hệ đối ngoại, theo ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, Chính phủ quyết định các biện pháp xử lý để tháo gỡ vướng mắc về pháp luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại kỳ họp, phiên họp gần nhất.

Điều 11. Áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế được công bố

Trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các lĩnh vực mới hoặc pháp luật chưa có quy định, Chính phủ quyết định áp dụng trực tiếp tiêu chuẩn quốc tế do các tổ chức quốc tế công bố và được áp dụng rộng rãi, trên cơ sở bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương III

HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 12. Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ở nước ngoài

1. Doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi để mở rộng hoạt động kinh doanh, đấu thầu, đầu tư ở nước ngoài theo mô hình phù hợp, đáp ứng môi trường kinh doanh tại địa bàn mới, có nhiều biến động về chính trị, kinh tế, xã hội phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Doanh nghiệp được cung cấp thông tin thị trường, pháp luật, hoạt động mua sắm công, khả năng và nhu cầu hợp tác của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài, hỗ trợ xác minh thông tin liên quan đến hoạt động và tư cách pháp nhân của đối tác nước ngoài.

2. Doanh nghiệp được thành lập Quỹ Phát triển doanh nghiệp hội nhập quốc tế với chính sách đặc biệt về huy động vốn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi sản xuất, giá trị và cung ứng toàn cầu, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở bảo đảm tính minh bạch, hoạt động đúng mục đích và tuân thủ pháp luật.

3. Doanh nghiệp được khuyến khích thành lập thí điểm tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài theo quy định của pháp luật và phù hợp với chủ trương, đường lối, chính sách đối ngoại của Việt Nam. Tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài phải tuân thủ pháp luật nước sở tại và pháp luật của Việt Nam có liên quan.

4. Hiệp hội ngành, nghề được hỗ trợ để tham gia các vụ kiện phòng vệ thương mại ở nước ngoài, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt Nam bị ảnh hưởng khi phía nước ngoài cáo buộc vận hành theo cơ chế kinh tế phi thị trường, phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 13. Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng

Nhà nước khuyến khích các hiệp hội ngành hàng có tỷ trọng xuất khẩu cao được thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; xây dựng thương hiệu; hỗ trợ phòng vệ thương mại và đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, môi trường của đối tác nước ngoài.

Chương IV

HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 14. Thí điểm lập văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thí điểm thành lập văn phòng đại diện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật quốc gia nơi đặt văn phòng đại diện. Kinh phí hoạt động của văn phòng đại diện được bảo đảm từ ngân sách địa phương.

2. Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý văn phòng đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở nước ngoài.

Điều 15. Tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn của chính quyền địa phương

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã mà việc tham gia không thông qua việc ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trên cơ sở đường lối đối ngoại của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, lợi ích quốc gia, dân tộc, đáp ứng các yêu cầu về quốc phòng, an ninh và tính hiệu quả.

2. Kinh phí tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn và việc thực hiện các hoạt động trong khuôn khổ hợp tác này được bảo đảm từ ngân sách địa phương.

Điều 16. Bảo đảm ngân sách cho hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế của địa phương

Chi cho hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, sử dụng nguồn chi thường xuyên của ngân sách địa phương. Kinh phí để thực hiện hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế của địa phương từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

Chương V

CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 17. Cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài

Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam ở nước ngoài. Người đứng đầu cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài quyết định miễn phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với trường hợp có lợi cho việc thúc đẩy hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Điều 18. Dự án mua bất động sản và đầu tư xây dựng của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng các Bộ có cơ quan ở nước ngoài có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua bất động sản tại nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình theo trình tự, thủ tục dự án khẩn cấp khi phát sinh nhu cầu ngoài danh mục đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

2. Dự án đầu tư xây dựng của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài gồm trụ sở, nhà ở cán bộ, nhân viên của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, nhà riêng của người đứng đầu cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, công trình khác của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài là dự án đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Người quyết định đầu tư có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục các công việc tại giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc xây dựng công trình của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài. Việc quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng các Bộ có cơ quan ở nước ngoài quyết định thuê dịch vụ tư vấn pháp lý phục vụ cho việc quyết định và thực hiện dự án mua, xây dựng, sửa chữa bất động sản tại nước ngoài của cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương VI

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU

Điều 19. Phát triển cơ sở giáo dục, đào tạo về hội nhập quốc tế

1. Nhà nước có chính sách hỗ trợ phát triển cơ sở giáo dục, đào tạo chuyên ngành hội nhập quốc tế.

2. Chính phủ phát triển Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao thành cơ sở đào tạo chuyên sâu, trọng điểm quốc gia về đối ngoại, hội nhập quốc tế kết hợp nghiên cứu chiến lược và triển khai ngoại giao học giả.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm xây dựng và phê duyệt Chương trình đào tạo, bồi dưỡng về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tham gia ứng cử vào các tổ chức quốc tế.

Điều 20. Khoản chi trong thực hiện nghiên cứu chiến lược và nghiên cứu thúc đẩy sáng kiến phục vụ hội nhập quốc tế

1. Kinh phí từ ngân sách nhà nước cho thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược trong lĩnh vực hội nhập quốc tế theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và nghiên cứu thúc đẩy sáng kiến phục vụ hội nhập quốc tế theo phê duyệt của cơ

quan có thẩm quyền được thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược trong lĩnh vực hội nhập quốc tế được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ. Nhiệm vụ nghiên cứu thúc đẩy sáng kiến phục vụ hội nhập quốc tế được thực hiện theo phương thức khoán chi khi sáng kiến được tổ chức quốc tế, diễn đàn quốc tế thông qua và đưa vào triển khai.

3. Việc khoán chi nghiên cứu chiến lược và nghiên cứu thúc đẩy sáng kiến phục vụ hội nhập quốc tế được quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Chính phủ quy định mức khoán chi cho công tác nghiên cứu, xây dựng đề án, chiến lược, định hướng đối ngoại, hội nhập quốc tế trọng tâm trong từng lĩnh vực, Bộ, ngành, địa phương do cấp Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

5. Các nhiệm vụ đã có đề án, kế hoạch và dự trù kinh phí riêng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện theo kinh phí được duyệt tại đề án, kế hoạch đó.

Chương VII

BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC

Điều 21. Tăng cường nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế

1. Căn cứ quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực và ý kiến thống nhất của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các Bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước bổ nhiệm có thời hạn chức danh “Đại sứ”, “Đặc phái viên của Chủ tịch nước” về một số lĩnh vực, nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

2. Trên cơ sở đề xuất của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực và ý kiến thống nhất của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và Bộ, ngành có liên quan, Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm có thời hạn chức danh “Đặc phái viên của Thủ tướng Chính phủ” về một số lĩnh vực, nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế và quyết định cử người giữ chức danh này làm Trưởng đoàn, cố vấn đoàn đàm phán của Chính phủ hoặc thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại khác.

3. Trường hợp Việt Nam chưa đặt trụ sở cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và trên cơ sở thỏa thuận với nước tiếp nhận, thực hiện thí điểm việc bổ nhiệm “Đại sứ đặc mệnh toàn quyền lưu động”. Quy trình bổ nhiệm “Đại sứ đặc

mệnh toàn quyền lưu động” được thực hiện tương tự quy trình bổ nhiệm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền theo pháp luật về cơ quan đại diện.

4. Nhà nước có chính sách đặc thù để thu hút, sử dụng nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế trong công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế thuộc các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, chiến lược của quốc gia. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và quản lý danh sách nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế.

Điều 22. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên trong nước

1. Người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên trong nước được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 100% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) cho đến khi Nhà nước ban hành chế độ tiền lương mới, bao gồm:

a) Người được phong hàm ngoại giao; lãnh đạo, người được phân công đảm nhận vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác quốc tế; người trực tiếp tham gia nghiên cứu chiến lược, tham mưu hoạch định chính sách về đối ngoại, hội nhập quốc tế; người trực tiếp triển khai các hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị quyết này có thay đổi về tên gọi, chức năng hoặc mô hình tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị thì việc xác định đối tượng được hỗ trợ quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của Chính phủ;

b) Đối tượng khác thuộc khối cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Đảng quy định;

c) Đối tượng khác thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ và chính quyền địa phương do Chính phủ quy định;

d) Việc xác định đối tượng được hưởng hỗ trợ hằng tháng tại các điểm a, b và c khoản này phải bảo đảm đúng đối tượng làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên, phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này. Người đứng đầu các cơ quan quản lý công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang quyết định và chịu trách nhiệm về danh sách những người được hưởng hỗ trợ hằng tháng của cơ quan, tổ chức thuộc quyền quản lý.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với người giữ chức danh, chức vụ lãnh đạo từ Thứ trưởng và tương đương trở lên.

3. Nhà nước bảo đảm hằng năm ít nhất 40% tổng số cán bộ làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên được bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức, kỹ năng đối ngoại do Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức.

4. Công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang sử dụng thành thạo ngoại ngữ hiếm được hỗ trợ hằng tháng bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (không bao gồm phụ cấp) khi thực hiện công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế trực tiếp, thường xuyên trong nước tại cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế.

5. Nhà khoa học, chuyên gia về hội nhập quốc tế là công dân Việt Nam trong độ tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động, nếu có nguyện vọng công tác lâu dài tại cơ quan, tổ chức trực tiếp, thường xuyên hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét tiếp nhận vào công chức, viên chức và được hỗ trợ bằng 300% mức lương theo hệ số lương hiện hưởng (bao gồm: mức tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, chức danh nghề nghiệp và các khoản phụ cấp lương theo quy định của pháp luật).

Điều 23. Chế độ, chính sách đối với người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên

Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho hoạt động đào tạo, tập huấn, thực tập, trao đổi học thuật, tham gia hội nghị, hội thảo liên quan của người làm công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế không thường xuyên, phù hợp với các lĩnh vực ưu tiên, trọng tâm, chiến lược của quốc gia, địa phương.

Điều 24. Chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang biệt phái, tham gia công tác tại tổ chức quốc tế

1. Công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang được biệt phái làm việc tại tổ chức quốc tế có hưởng lương được bảo lưu chức vụ và được ưu tiên xem xét bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý khi quay trở lại công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang được cử đi làm việc, thực tập dài hạn tại tổ chức quốc tế mà không hưởng lương hoặc hỗ trợ của tổ chức quốc tế đó được áp dụng chế độ của thành viên cơ quan đại diện cùng địa bàn hoặc tương đương, bao gồm cả chế độ đối với vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đi theo.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Chính phủ quy định chi tiết Điều 8, Điều 9, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24 và các nội dung khác được giao tại Nghị quyết này.

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định tại Điều 10 của Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2028.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp văn bản khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn quy định của Nghị quyết này thì áp dụng cơ chế, chính sách đó.

4. Thu nhập quy định tại Điều 20 và Điều 22 của Nghị quyết này được miễn thuế thu nhập cá nhân và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.

5. Khoản hỗ trợ hằng tháng quy định tại Điều 22 được trả cùng kỳ lương và không dùng làm căn cứ để tính đóng bảo hiểm xã hội. Trường hợp người được hưởng khoản hỗ trợ thuộc đối tượng được hưởng đồng thời nhiều chính sách hỗ trợ hằng tháng cùng mục đích thì chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ cao nhất.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Trần Thanh Mẫn

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG
HỖ TRỢ HÀNG THÁNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế)

Danh mục các cơ quan, tổ chức có người được hưởng hỗ trợ hàng tháng gồm:

I. Các cơ quan của Đảng

Cơ quan	Đơn vị phụ trách hội nhập quốc tế
Ban Tổ chức Trung ương	Cục Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ (Phòng Hợp tác và đào tạo, bồi dưỡng nước ngoài)
Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương	Vụ Thông tin - Đối ngoại (bộ phận phụ trách đối ngoại)
Văn phòng Trung ương	Vụ Tham mưu tổng hợp (bộ phận phụ trách lĩnh vực hội nhập quốc tế)
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Vụ Hợp tác quốc tế
Ban Nghiên cứu Chính sách Chiến lược Trung ương	Vụ Kinh tế tổng hợp (bộ phận phụ trách kinh tế đối ngoại)

II. Các cơ quan thuộc Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước và cơ quan khác

Cơ quan	Đơn vị phụ trách hội nhập quốc tế
Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội	Thường trực Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại Vụ Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại
Văn phòng Quốc hội	Vụ Quan hệ quốc tế
Văn phòng Chủ tịch nước	Vụ Đối ngoại
Tòa án nhân dân tối cao	Vụ Hợp tác quốc tế
Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự
Kiểm toán Nhà nước	Vụ Hợp tác quốc tế

Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	Ban Đối ngoại nhân dân
Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Ban Á - Phi, Ban Châu Âu, Ban Châu Mỹ, Ban Công tác đa phương, Ban Điều phối viện trợ nhân dân
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)	Ban Quan hệ quốc tế

III. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ

Bộ, cơ quan ngang Bộ	Đơn vị phụ trách hội nhập quốc tế
Bộ Quốc phòng	Cục Đối ngoại
Bộ Công an	Cục Đối ngoại Cục An ninh đối ngoại
Bộ Ngoại giao	Các đơn vị chuyên trách công tác đối ngoại Văn phòng Bộ (các Phòng: Tổng hợp - Báo cáo, Thư ký, Thi đua khen thưởng) Vụ Tổ chức Cán bộ (các Phòng: Quản lý cán bộ, Tổ chức - Biên chế, Chế độ - Chính sách và Đào tạo - Tuyển dụng) Cục Quản trị Tài vụ (các Phòng: Kế hoạch Tài chính, Quản lý Tài vụ ngoài nước, Đầu tư xây dựng và quản lý nhà) Văn phòng Đảng ủy - Đoàn thể (Bộ phận chuyên trách công tác đảng ngoài nước) Học viện Ngoại giao (Viện Nghiên cứu chiến lược ngoại giao, Viện Biển Đông, Phòng Hợp tác quốc tế thuộc Văn phòng Học viện, Ban Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đối ngoại) Báo Thế giới và Việt Nam (Phòng Thư ký - Biên tập)
Bộ Nội vụ	Vụ Hợp tác quốc tế Cục Quản lý lao động ngoài nước

	Vụ Tổ chức phi chính phủ
Bộ Tư pháp	Vụ Hợp tác quốc tế Vụ Pháp luật quốc tế
Bộ Tài chính	Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại Cục Đầu tư nước ngoài Cục Quản lý đấu thầu (Phòng Hợp tác quốc tế) Cục Phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể (Phòng Chính sách, Môi trường kinh doanh và Hợp tác quốc tế) Vụ Pháp chế (Phòng Pháp chế thị trường tài chính và pháp luật tài chính quốc tế) Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí (Phòng Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) Kho bạc Nhà nước (Văn phòng) Cục Hải quan (Tổ Hợp tác quốc tế) Cục Thống kê (Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại) Cục Dự trữ Nhà nước (Văn phòng) Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Tổ Hợp tác quốc tế) Cục Thuế (Ban Chính sách, thuế quốc tế) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Ban Pháp chế - Đối ngoại)
Bộ Công Thương	Vụ Phát triển thị trường nước ngoài Vụ Chính sách thương mại đa biên Văn phòng Ban Chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế Vụ Pháp chế
Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Vụ Hợp tác quốc tế Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam
Bộ Xây dựng	Vụ Hợp tác quốc tế

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cục Hợp tác quốc tế Ban Hội nhập kinh tế quốc tế (<i>ad hoc</i>)
Bộ Khoa học và Công nghệ	Vụ Hợp tác quốc tế
Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cục Hợp tác quốc tế
Bộ Y tế	Vụ Hợp tác quốc tế
Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Vụ Hợp tác quốc tế
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Vụ Hợp tác quốc tế Cục Phòng, chống rửa tiền
Thanh tra Chính phủ	Vụ Hợp tác quốc tế Cục Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực
Văn phòng Chính phủ	Vụ Quan hệ quốc tế

IV. Các tỉnh, thành phố

1. Sở Ngoại vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (các Phòng phụ trách công tác hợp tác quốc tế, quản lý đối ngoại/nghiệp vụ đối ngoại; công tác lãnh sự, quản lý biên giới; người Việt Nam ở nước ngoài và Trung tâm dịch vụ đối ngoại).

2. Phòng Ngoại vụ (hoặc tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đối ngoại địa phương) thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan khác được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng đối ngoại của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

V. Các cơ quan thuộc Chính phủ

Cơ quan	Đơn vị có chức năng, nhiệm vụ về hợp tác quốc tế
Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam	Ban Hợp tác quốc tế
Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam	Ban Hợp tác quốc tế
Đài Truyền hình Việt Nam	Ban Truyền hình đối ngoại Văn phòng Ban Thời sự (Trung tâm Hợp tác quốc tế)

Đài Tiếng nói Việt Nam	Ban Tổ chức cán bộ và Hợp tác quốc tế (Bộ phận Hợp tác quốc tế)
Thông tấn xã Việt Nam	Ban Thư ký biên tập và Quan hệ đối ngoại (Bộ phận Quan hệ đối ngoại) Ban Biên tập tin đối ngoại

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC
MỨC KHOẢN CHI TRONG THỰC HIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC
VÀ NGHIÊN CỨU THÚC ĐẨY SÁNG KIẾN PHỤC VỤ
HỘI NHẬP QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả
hội nhập quốc tế)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên văn bản, nhiệm vụ	Tổng	Cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến, phê duyệt, thông qua
1	Chiến lược về đối ngoại và hội nhập quốc tế	3.000	Bộ Chính trị
2	Đề án tổng kết các Nghị quyết của Bộ Chính trị liên quan đến đối ngoại, hội nhập quốc tế	2.500	Bộ Chính trị
3	Đề án tổng thể xử lý vấn đề trọng yếu về đối ngoại, hội nhập quốc tế	2.000	Bộ Chính trị
4	Đề án tổng kết các chỉ thị của Ban Bí thư liên quan đến đối ngoại, hội nhập quốc tế	1.500	Ban Bí thư
5	Đề án xử lý một hoặc một số vấn đề quan trọng về đối ngoại, hội nhập quốc tế	1.000	Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ
6	Báo cáo động thái, báo cáo nghiên cứu chính sách, thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế	500	Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
7	Nghiên cứu đề xuất và thúc đẩy thông qua sáng kiến tại các diễn đàn quốc tế, khu vực	300	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội